

Bản án số: **83/2024/DS-ST**

Ngày 29/5/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lương Quang Thanh

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Quang Tuyên

2. Ông Trịnh Phước Đức

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hiền Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang:*
Ông Nguyễn Văn Tặng – Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 455/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2024/QĐST-DS, ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (S1)**

Trụ sở: 2 N, Phường V, Quận C, Tp. HCM.

- Người đại diện theo pháp luật: **Ông Nguyễn Đức Thạch D** – Chức vụ: Tổng giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông D: **Ông Nguyễn Tuấn A** – Chức vụ: Giám Đốc S1 - Chi nhánh P1.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông A: **Bà Tăng Ngọc M** – Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro.

Bà Tăng Ngọc M vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc D1, sinh năm 1975

Bà Trần Thị Thùy P, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu phố C, phường D, Tp. P, tỉnh Kiên Giang.

Ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S trình bày:

* Ngày 12/01/2022, ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P có ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh P1, theo hợp đồng tín dụng số 202226499352 cụ thể:

- Số tiền cho vay: 800.000.000 đồng (T trăm triệu đồng);

- Mục đích vay: Mua sắm trang thiết bị gia đình;

- Thời hạn vay: 120 tháng (tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân);

- Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 11%/năm trong 3 tháng đầu tiên. Thời điểm bắt đầu từ tháng thứ 4 lãi suất được điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở tương ứng theo kỳ hạn vay + biên độ 3,6%/năm và được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần.

Để đảm bảo khoản vay trên, ông D1 bà P ký hợp đồng thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 500809 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 28/7/2017, được chỉnh lý biến động sang tên bà Trần Thị Thùy P.

Thửa đất số: 1574, tờ bản đồ số 45

Địa chỉ: Ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang

Diện tích: 108m²

Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm.

Thời hạn sử dụng đất: Tháng 10/2043

Đối với khoản vay này ông D1 bà P đã trả ngân hàng vốn gốc là 86.658.000 đồng, còn nợ ngân hàng số tiền 713.342.000 đồng.

* Ngày 08/4/2019, bà Trần Thị Thùy P có ký với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh P1 đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với số thẻ 356480-3047 cụ thể:

Số tiền vay: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)

Thời hạn sử dụng: 5 năm

Lãi suất trong hạn: 2,76%/tháng

Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng

Bà P đã sử dụng hết số tiền 20.000.000 đồng trong thẻ.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P vi phạm nghĩa vụ, không trả nợ theo hợp đồng tín dụng vì vậy Ngân hàng TMCP S đã chuyển toàn bộ khoản nợ của khách hàng sang nợ quá hạn đồng thời yêu cầu ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P phải thanh toán toàn bộ khoản nợ và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng vay.

Ngân hàng TMCP S khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P phải thanh toán ngay một lần toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản chi phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 202226499352 đã ký kết tính đến ngày 29/5/2024 là 843.580.841 đồng (trong đó nợ gốc 713.342.000 đồng và nợ lãi là 130.238.841 đồng);

2. Buộc ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P phải thanh toán ngay một lần toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản chi phí phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 356480-3047 đã ký kết tính đến ngày 29/5/2024 là 27.260.322 đồng (trong đó nợ gốc 21.621.105 đồng và nợ lãi là 5.639.217 đồng);

3. Trường hợp ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay thì yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1574, tờ bản đồ số 45, có diện tích 108m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI500809 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh K cấp ngày 28/07/2017 do bà Trần Thị Thùy P đứng tên.

Bà M vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn – ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật và triệu tập hợp lệ nhưng ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc có ý kiến:

- **Về thủ tục tố tụng:** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, tuy nhiên vụ án đến nay đã quá thời hạn xét xử. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự và thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng. Về thành phần Hội đồng xét xử đúng với quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

Ngày 15/5/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Tăng Ngọc M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS năm 2015 đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P cư trú tại Khu phố C, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Theo hợp đồng tín dụng các bên đương sự không thoả thuận cụ thể Tòa án nào có thẩm quyền giải quyết. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, Điều 26; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự có mặt các đương sự:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Tăng Ngọc M có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 08/4/2019, bà Trần Thị Thùy P có ký với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh P1 đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với số thẻ 356480-3047 với hạn mức 20.000.000 đồng, thời hạn sử dụng: 5 năm; Lãi suất trong hạn: 2,76%/tháng; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất ghi trên hợp đồng tín dụng và chị P đã sử dụng hết số tiền 20.000.000 đồng nhưng đến nay không trả vốn gốc và lãi cho ngân hàng. Tại thời điểm này, bà Trần Thị Thùy P và ông Nguyễn Quốc D1 là vợ chồng nên khoản

nợ phát sinh do bà Trần Thị Thùy P thực hiện thì đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân

Đến ngày 12/01/2022, vợ chồng ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P tiếp tục ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng thương mại cổ phần S để vay số tiền 800.000.000 đồng (T trăm triệu đồng) đã được giải ngân và thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS55677 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh K cấp ngày 28/7/2017 (do ông Lý Thái T1 đứng tên đã được chỉnh lý biến động sang tên cho bà Trần Thị Thùy P) đối với thửa đất có diện tích 108m² thuộc thửa đất số 1574, tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, vợ chồng ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 86.658.000 đồng tính đến ngày 19/03/2023. Sau đó, ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi hàng tháng cho ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P vẫn không có thiện chí trả nợ nên ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P vi phạm hợp đồng tín dụng và nghĩa vụ trả tiền. Do đó, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản nợ sang nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng từ ngày 20/03/2023.

Xét thấy, việc ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng TMCP S với ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S với bà Trần Thị Thùy P trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức. Theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng các bên có thỏa thuận về thời gian phương thức trả tiền vốn gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, biểu phí sử dụng thẻ và phạt vi phạm phù hợp với quy định của pháp luật về lãi suất và luật các tổ chức tín dụng. Do ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P không trả tiền vốn gốc và lãi theo thỏa thuận cho ngân hàng nên vi phạm hợp đồng và vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P trả tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản chi phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 202226499352 đã ký kết tính đến ngày 29/5/2024 là 843.580.841 đồng (trong đó nợ gốc 713.342.000 đồng và nợ lãi là 130.238.841 đồng) và nợ gốc, nợ lãi và các khoản chi phí phát sinh theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 356480-3047 đã ký kết tính đến ngày 29/5/2024 là 27.260.322 đồng (trong đó nợ gốc 21.621.105 đồng

và nợ lãi là 5.639.217 đồng) là có cơ sở chấp thuận.

[2.2] Đối với tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS55677 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh K cấp ngày 28/7/2017 đã được chỉnh lý biến động sang tên cho bà Trần Thị Thùy P đối với thửa đất có diện tích 108m² thuộc thửa đất số 1574, tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang đã được Toà án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, qua kiểm tra xem xét hiện trạng, trên đất không có công trình xây dựng và vật kiến trúc. Đây là tài sản bảo đảm cho khoản vay của ông D1 bà phượng tại S1, tuy nhiên ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P vi phạm nghĩa vụ trả tiền và vi phạm các thoả thuận trong hợp đồng thế chấp mà các bên ký kết ngày 12/01/2022. Do đó yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí mà được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.834.000 đồng (Mười bảy triệu tám trăm ba mươi tư nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009697, ngày 14/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 37.125.235 đồng (Ba mươi bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 147; 227; 228; 266; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;
- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Áp dụng các Điều 280, 299, 303, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P.

Buộc ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 843.580.841 đồng theo hợp đồng tín dụng số 202226499352 ký ngày 12/01/2022. Trong đó nợ gốc 713.342.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 29/05/2024 là 130.238.841 đồng.

Buộc ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 27.260.322 đồng theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 356480-3047 ký ngày 08/04/2019. Trong đó nợ gốc 21.621.105 đồng và nợ lãi tính đến ngày 29/05/2024 là 5.639.217 đồng.

Trường hợp ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1574, tờ bản đồ số 45, có diện tích 108m² tọa lạc tại ấp S, xã D, thành phố P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI500809 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 28/07/2017 đã chỉnh lý biến động sang tên bà Trần Thị Thùy P để đảm bảo thu hồi nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng TMCP S cho đến khi trả xong khoản nợ.

2. Về án phí: Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.834.000 đồng (Mười bảy triệu tám trăm ba mươi tư nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009697, ngày 14/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc.

Ông Nguyễn Quốc D1, bà Trần Thị Thùy P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 37.125.235 đồng (Ba mươi bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của

pháp luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND thành phố Phú Quốc;
- Chi cục THA dân sự thành phố Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Quang Thanh